

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2017
V/v: Tranh chấp Ly hôn giữa chị
N. và anh P.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2. Bà Hoàng Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 560/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N.**, sinh năm 1980; Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 33 ngách 82 ngõ 459 phố B., phường B., quận H., Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn P.**, sinh năm 1971; Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 33 ngách 82 ngõ 459 phố B., phường B., quận H., Thành phố Hà Nội.. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Hoàng Thị N.:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/7/2017, bản tự khai ngày 10/8/2017 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N. trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh Phạm Văn P. tổ chức đám cưới vào khoảng đầu năm 1995 tại xã C., huyện V., tỉnh Yên Bái. Ngày 05/12/2006, vợ chồng tôi mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C., huyện V., tỉnh Yên Bái. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trước khi đám cưới và đăng ký kết hôn, chúng tôi chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn là từ những chuyện nhỏ nhặt, lời qua tiếng lại dẫn đến vợ chồng cãi nhau, xô xát và đánh nhau. Đến năm 2008, anh P. bị ốm nặng từ đó sinh ra cái kính, hay chửi rửa vợ con nhưng tôi vẫn nhẫn nhịn lo lắng cho chồng đúng trách nhiệm người vợ nhưng anh P. không tin tưởng tôi, nghĩ là tôi có bạn trai bên ngoài, luôn nghi ngờ tôi. Tôi lao động rất cực khổ để nuôi con nhưng chồng tôi không đóng góp gì cùng tôi nuôi con nhưng lại không tin tưởng là tôi đi làm, luôn sỉ nhục, miệt thị, sỉ vả tôi. Năm 2013, do không chịu được nên tôi đã nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhân dân quận H. nhưng vì lúc đó tôi muốn cho anh P. cơ hội thay đổi và cho các con có đủ bố đủ mẹ nên tôi đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được. Tôi đã nhiều lần bị anh P. đuổi ra khỏi nhà, bị miệt thị và sỉ nhục nhiều lần. Vợ chồng tôi xảy ra xô xát đã có lần phải lên Công an phường B. để hòa giải, chồng tôi đánh tôi và tôi phải phòng thân, tháng nào vợ chồng tôi cũng xảy ra cãi nhau, xô xát. Tuy vợ chồng tôi vẫn có sinh hoạt vợ chồng, nhưng đó là do chồng tôi chủ động, bản thân tôi không muốn. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn tôi xin ly hôn với anh P..

- Về con chung, chị N. trình bày: Vợ chồng tôi có 02 (hai) con chung tên là Phạm Văn H. sinh ngày 07 tháng 4 năm 1995 và Phạm Xuân H. sinh ngày 25 tháng 10 năm 1996. Nay ly hôn, do cả 2 con chung đều trên 18 tuổi, có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động và cả 2 cháu đã ra thuê nhà ở riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng tôi không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu của bị đơn là anh Phạm Văn P.:

Tại bản tự khai ngày 08/8/2017, biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2017 và và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Văn P. trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, tôi xác nhận đúng như chị N. trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khoảng hơn 04 năm nay, do cãi nhau nên tôi có lần đánh chị N. khiến chị N. phải làm đơn xin ly hôn ra Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng nhưng sau đó chị N. lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi chị N. rút đơn, tôi đã có sự thay đổi không đánh vợ nữa nhưng vợ chồng vẫn có lúc cãi vã to tiếng trong cuộc sống. Mâu thuẫn của vợ chồng tôi chỉ là mâu thuẫn nhỏ do tôi không đồng ý với những mối quan hệ bạn bè của vợ tôi với những người bạn trên mạng xã hội. Tôi thừa nhận có sự việc vợ chồng tôi xô xát, đánh nhau phải lên Công an phường B. hòa giải, không phải mình tôi đánh vợ tôi mà vợ tôi cũng đánh lại tôi. Tôi không có hành vi chửi, đánh và đuổi vợ tôi ra khỏi nhà.

Tôi không đồng ý với ý kiến trình bày của chị N. về mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Tôi không đồng ý ly hôn chị N.. Tôi đã sửa đổi, tôn trọng vợ, đã xin lỗi vợ tôi để hàn gắn mâu thuẫn. Tôi cũng đã nhờ mẹ vợ tôi, bạn bè, người thân giúp vợ chồng hàn gắn nhưng chưa có kết quả, chị N. vẫn không đồng ý đoàn tụ. Tôi vẫn còn yêu vợ, yêu con và muốn gia đình đoàn tụ cùng lo cho các con. Tôi muốn để hai con chung của chúng tôi lập gia đình xong thì chị N. muốn như thế nào tôi cũng đồng ý.

- Về con chung: tôi đồng ý với ý kiến trình bày của chị N., vợ chồng tôi có 02 con chung là Phạm Văn H. sinh ngày 07 tháng 4 năm 1995 và Phạm Xuân H. sinh ngày 25 tháng 10 năm 1996. Cả 2 con chung đều trên 18 tuổi, có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động và cả 2 cháu đã ra thuê nhà ở riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng tôi không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

- Tại Biên bản làm việc ngày 07/9/2017 với địa phương nơi cư trú của chị N. và anh P., Tổ trưởng Tổ dân phố 6C cụm 6 phường B., quận H. cung cấp như sau: Quá trình chung sống tại địa phương, anh P. và chị N. thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ nhau, gần đây nhất là khoảng năm 2016 có xảy ra xô xát và lên Công an phường B. giải quyết. Anh P. thường xuyên đánh chị N.. Nguyên nhân cụ thể thì tôi không nắm được. Tháng 7/2017, vợ chồng anh chị cũng xảy ra xô xát, anh P. thường xuyên đánh và đuổi chị N. ra khỏi nhà.

Tại bản tự khai ngày 08/9/2017, anh Phạm Xuân H., sinh năm 1996 (trú tại: Số 17 ngõ 45 phố M., phường M., quận H., Hà Nội) là con chung của anh P. và chị N. có ý kiến như sau: Tôi mong Tòa án chấp nhận cho bố mẹ tôi ly hôn, tôi có năm được mâu thuẫn của bố mẹ tôi, bố tôi thường xuyên đánh đập mẹ tôi, luôn luôn có những lời nói xúc phạm danh dự của mẹ tôi.

5. Tại phiên tòa:

Chị N. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn. Năm 2013, chị đã khởi kiện xin ly hôn anh P. tại Tòa án nhân dân quận H. nhưng sau đó vì muốn cho anh P. cơ hội thay đổi và vì tương lai của các con nên chị đã rút đơn và Tòa án đã quyết định đình chỉ vụ án. Nhưng từ đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng chị vẫn không thể giải quyết, ngày càng trầm trọng hơn, anh P. thường xuyên chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục chị, thường xuyên đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà, chị xác định không còn tình cảm với anh P.. Mặc dù anh P. hay ốm đau, bệnh tật, chị đã chịu đựng, cố gắng nhẫn nhịn làm ăn, chăm sóc chồng, nuôi con nhưng anh P. không chịu sửa đổi nên chị vẫn xác định xin ly hôn anh P.. Một thời gian gần đây, chị đã dọn sang ở tại nhà của hai con trai chị. Sau khi ly hôn, chị sẽ tự lo chỗ ở mới, không có yêu cầu gì với anh P. về chỗ ở và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung, chị N. vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung, chị xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P. vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định như sau: Chị N. và anh P. kết hôn hợp pháp. Quan hệ tình cảm của chị N. và anh P. không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng đã dẫn đến cãi vã, xô xát, đánh nhau, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu của chị N. xin ly hôn anh P. là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N., cho chị N. được ly hôn anh P..

Về con chung: Hai con chung của chị N. và anh P. đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường và đủ khả năng lao động nên không giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: chị N. và anh P. không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị N. khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn P., đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh P. có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại địa chỉ Số 33 ngách 82 ngõ 459 phố B., phường B., quận H.g, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P. đã được tổng đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Việc tổng đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh P. vắng mặt 02 lần không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P. theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung:

- Về tình cảm: Chị Hoàng Thị N. và anh Phạm Văn P. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C., huyện V., tỉnh Yên Bái, thể hiện là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N. và anh P. trình bày, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, về mối quan hệ bạn bè của chị N., do mâu thuẫn nên vợ chồng đã có sự cãi cọ, xô xát, đánh nhau đã phải lên Công an phường B. để hòa giải. Qua xác minh, tổ trưởng tổ dân phố nơi anh chị sinh sống cho biết anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ nhau, gần đây nhất là khoảng năm 2016 có xảy ra xô xát và lên Công an phường B. giải quyết. Anh P. thường xuyên đánh chị N.. Nguyên nhân cụ thể thì tổ dân phố không nắm được. Tháng 7/2017, vợ chồng anh chị cũng xảy ra xô xát, anh P. thường xuyên đánh và đuổi chị N. ra khỏi nhà.

Anh Phạm Xuân H., sinh năm 1996, là con chung của chị N. và anh P. có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ anh được ly hôn, bố anh thường xuyên đánh đập mẹ anh, luôn luôn có những lời nói xúc phạm danh dự của mẹ anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho anh chị một khoảng thời gian để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng tại các phiên hòa giải, anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh P. đã có thời gian để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, dù anh đã khuyên giải chị N. và nhờ gia đình, bạn bè giúp đỡ để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bản thân chị N. cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã có mâu thuẫn, cãi cọ, xô xát từ lâu và đây là lần thứ hai chị làm đơn xin ly hôn anh P.. Anh P. xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến xô xát đánh nhau và đã có lần vợ chồng anh đánh nhau phải lên Công an phường để hòa giải.

Tại phiên tòa, chị N. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh P. đã hai lần được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy giữa chị N. và anh P. có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp khắc phục nên đã dễ xảy ra xô xát, cãi vã và đánh nhau, chị N. cũng đã hai lần làm đơn xin ly hôn anh P., chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng và không có khả năng khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Yêu cầu xin ly hôn của chị N. là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. đối với anh P..

- Về con chung: Hai bên cùng xác nhận có hai con chung là Phạm Văn H., sinh năm 1995 và Phạm Xuân H., sinh năm 1996, hai con chung của anh chị đã trưởng thành trên 18 tuổi, có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Chị N. và anh P. xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị N. tự lo chỗ ở mới, không có yêu cầu gì với anh P. về chỗ ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị N. là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 271; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N. đối với anh Phạm Văn P.. Chị N. được ly hôn anh P..

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung tên là Phạm Văn H., sinh năm 1995 và Phạm Xuân H., sinh năm 1996, hai con chung của anh chị đã trưởng thành trên 18 tuổi, có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Chị N. và anh P. xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:Chị Hoàng Thị N. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002907 ngày 18/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, chị N. đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (Số 73/26, quyền số 03 ngày 05/12/2006);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Phương

